

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NGÔ QUYỀN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-9-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN NGÔ QUYỀN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Trung Dũng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Đức Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Thoa

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hạnh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hùng Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 42/2023/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2023 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 600/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 362/2023/QĐST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Khánh V; nơi cư trú: Số A gác B đường C, phường A, Quận L, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Phạm Hữu T; nơi ĐKKHKT: Số C đường L, phường L, quận N, thành phố Hải Phòng; nơi tạm trú: Số F đường L, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Khánh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Hữu T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận N vào ngày 17/6/2021.

Thời gian đầu sau khi kết hôn vợ chồng chị ở cùng bố mẹ chồng tại số F đường L, phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên xảy ra cãi vã. Gần một năm nay, chị và anh T sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Hữu T.

Về con chung: Vợ chồng chị có một con chung là Phạm Đức P, sinh ngày 23/11/2023. Ly hôn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được nuôi con Phạm Đức P.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh T tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Phạm Hữu T trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh T xác nhận anh và chị Nguyễn Thị Khánh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được sự đồng ý của hai bên gia đình, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại UBND phường L, Quận N vào ngày 17/6/2021.

Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến khoảng một năm nay thì phát sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng trong quan điểm sống. Anh và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên bảo và tìm cách hàn gắn tình cảm với chị V nhưng không có kết quả. Vợ chồng anh hiện nay đã sống ly thân, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Nay chị V đề nghị giải quyết ly hôn với anh, anh đồng ý.

- Về con chung: Vợ chồng anh có một con chung là Phạm Đức P, sinh ngày 23/11/2023. Ly hôn, chị V đề nghị được nuôi con, anh đồng ý. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh đề nghị được tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh và chị V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các phiên hoà giải, chị V và anh T đều vắng mặt. Chị V có đơn đề nghị Toà án không tiến hành hoà giải vụ án nên Toà án không tiến hành hoà giải vụ án được.

Tại phiên tòa, chị V, anh T đều vắng mặt và không có ý kiến bổ sung. Chị V có đơn đề nghị Toà án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố

tụng dân sự. Nguyên đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 71, 96, 190 BLTTDS; Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS do vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 246 BLTTDS, Điều 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Chị **V** được ly hôn với anh **T**.

Về con chung: Giao con chung là cháu **Phạm Đức P** cho chị **V** nuôi dưỡng, tiền cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Về tài sản chung: Anh chị không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Án phí: Chị **V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con với anh **Phạm Hữu T**, bị đơn anh **T** có nơi cư trú tại **phường L, Quận N**, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

[2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn là chị **Nguyễn Thị Khánh V** và bị đơn là anh **Phạm Hữu T** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng đều vắng mặt tại phiên tòa, anh **T** vắng mặt lần thứ hai, chị **V** có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** và anh **Phạm Hữu T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân **phường L, Quận N, thành phố Hải Phòng** vào ngày 17/6/2021, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Chị **V**, anh **T** cùng thống nhất trình bày do có mâu thuẫn dẫn đến anh chị không còn tình cảm vợ chồng, không thể khắc phục mâu thuẫn để đoàn tụ gia đình. Như vậy, chứng tỏ

mâu thuẫn giữa chị **V**, anh **T** đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị **V** xin ly hôn với anh **T** là hoàn toàn chính đáng. Vì vậy, Hội đồng xét xử cần áp dụng Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 xử cho chị **Nguyễn Thị Khánh V** được ly hôn anh **Phạm Hữu T**.

[3] Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** và anh **Phạm Hữu T** có một con **chung** là **Phạm Đức P**, sinh ngày 23/11/2021. Ly hôn, chị **V** và anh **T** đều thống nhất giao con **Phạm Đức P** cho chị **Nguyễn Thị Khánh V** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử nhận thấy sự thống nhất ý kiến của chị **V** và anh **T** là phù hợp và đúng quy định của pháp luật nên cần chấp nhận giao con cho chị **V** nuôi dưỡng.

Hai bên có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; tuy nhiên nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó theo Điều 82 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** và anh **Phạm Hữu T** không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- Về án phí ly hôn sơ thẩm:

[5] Nguyên đơn chị **Nguyễn Thị Khánh V** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về quyền kháng cáo của các đương sự:

[6] Chị **Nguyễn Thị Khánh V** và anh **Phạm Hữu T** được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; Điều 228; Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51; khoản 1 Điều 56; các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** được ly hôn anh **Phạm Hữu T**.

2. Về con chung: Giao con **Phạm Đức P**, sinh ngày 23/11/2021 cho chị **Nguyễn Thị Khánh V** trực tiếp nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, chị **Nguyễn Thị Khánh V** và anh **Phạm Hữu T** tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** và anh **Phạm Hữu T** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Khánh V** phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị **Nguyễn Thị Khánh V** đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006873 ngày 10 tháng 5 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng. Chị **Nguyễn Thị Khánh V** đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Lê Lợi, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng (ĐKKH ngày 17/6/2021);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Đức Dũng Nguyễn Thị Kim Thoa

Phạm Trung Dũng

Nơi nhận:

- VKSND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Đương sự;
- UBND phường Phước Ninh, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng (ĐKKH ngày 31/12/2002);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Trung Dũng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Văn Khang Lý Thị Thiên Nga

Nguyễn Văn Dương